

Số: 50...../CV/ĐTKDN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

V/v: "Giải trình chênh lệch lợi nhuận:

- BCTC hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2020
- BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 so với năm 2019"

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM

Thực hiện Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính, Công ty cổ phần Đầu tư - Kinh Doanh nhà đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý 4 năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán.

Công ty giải trình số liệu chênh lệch lợi nhuận liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 cụ thể như sau:

1. Chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của BCTC hợp nhất năm 2020 trước và sau kiểm toán ảnh hưởng do các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	CHỈ TIÊU	BCTC hợp nhất đã kiểm toán	BCTC hợp nhất chưa kiểm toán	Chênh lệch
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	921.533.084.533	965.119.010.111	-43.585.925.578
2	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	622.193.721.740	681.976.954.052	-59.783.232.312
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	299.339.362.793	283.142.056.059	16.197.306.734
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	215.044.836.198	186.443.480.428	28.601.355.770
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	179.746.613.834	155.659.146.869	24.087.466.965
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	46.150.837.158	44.071.242.921	2.079.594.237
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	136.165.450.873	115.434.643.080	20.730.807.793
8	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	141.457.510.417	117.770.539.244	23.686.971.173
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.774	1.716	58
10	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.774	1.716	58

Nguyên nhân chủ yếu là do:

Điều chỉnh bổ sung, hợp nhất số liệu của các công ty con sau khi kiểm toán dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 20.730.807.793 đồng và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tăng 23.686.971.173 đồng, tương đương tăng 20,11%.

II. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 so với năm 2019:

STT	CHỈ TIÊU	BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2020	BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2019	Chênh lệch
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	921.533.084.533	451.076.374.639	470.456.709.894
2	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	622.193.721.740	294.489.499.518	327.704.222.222
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	215.044.836.198	118.381.507.535	96.663.328.663
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	179.746.613.834	117.899.322.236	61.847.291.598
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	136.165.450.873	113.554.545.218	22.610.905.655
6	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	141.457.510.417	116.722.425.483	24.735.084.934
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.774	1.435	339
8	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.774	1.435	339

Nguyên nhân chủ yếu là do: Giá trị sản phẩm bàn giao của công ty năm 2020 cao nên doanh thu và lợi nhuận cao hơn năm 2019, dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ tăng 24.735.084.934 đồng, tương đương tăng 21,19%.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu



Đoàn Hữu Chí